

thường Việt kiều cần được tiến hành thận trọng, nhằm khen đúng đối tượng, đúng thành tích.

1. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương xét và đề nghị khen thưởng những Việt kiều đã về nước hiện nay thuộc phạm vi mình quản lý, có tham khảo ý kiến của Ban Việt kiều Trung ương, và làm thủ tục trình Hội đồng Bộ trưởng (qua Viện Huân chương).

2. Ban Việt kiều Trung ương có nhiệm vụ:

a) Thăm tra, xác minh thành tích của những Việt kiều còn ở nước ngoài được xét khen thưởng thuộc đối tượng và tiêu chuẩn quy định ở các phần I và II trên đây, có tham khảo ý kiến của các ngành và các cơ quan đại diện nước ta ở các nước có liên quan và làm các thủ tục trình Hội đồng Bộ trưởng (qua Viện Huân chương).

b) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng trường hợp, từng địa bàn, đề nghị Hội đồng Bộ trưởng quyết định việc công bố và trao tặng khen thưởng cho thích hợp.

c) Cùng với Viện Huân chương hướng dẫn cách thức vận dụng tiêu chuẩn khen thưởng.

3. Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, Ban Việt kiều Trung ương phải gửi đầy đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng lên Hội đồng Bộ trưởng, đồng gửi Viện Huân chương. Trong hồ sơ phải có bản thành tích ghi rõ thành tích cụ thể, địa điểm, thời gian lập thành tích, được một cán bộ có thẩm quyền như cán bộ các cơ quan ngoại giao, Hội Việt kiều yêu nước của ta ở nước ngoài; hoặc hai Việt kiều yêu nước hoạt động cùng thời gian xác nhận.

4. Các cơ quan xét khen thưởng cần bảo đảm giữ bí mật các thành tích hoạt động không công khai của Việt kiều trong thời gian ở nước ngoài.

Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương, Trưởng ban Ban Việt kiều Trung ương và Viện trưởng Viện Huân chương có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

**K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng**

Phó chủ tịch

**TỔ HỮU**

**QUYẾT ĐỊNH** của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 116-CT ngày 2-5-1986 về chế độ trợ cấp cho dân công nghĩa vụ lao động trên công trường thủy lợi Nhà nước.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Căn cứ Nghị định số 77-CP ngày 26-4-1968 của Hội đồng Chính phủ về huy động và sử dụng dân công thời chiến;

Xét đề nghị của Bộ Thủy lợi (tờ trình số 2392-TTR/LĐTL, ngày 12-10-1985) và ý kiến của các Bộ Lao động, Tài chính,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. - Dân công nghĩa vụ lao động trên công trường thủy lợi phải mang theo lương thực đề ăn và công cụ để làm việc, Nhà nước trợ cấp bằng tiền cho dân công

nghĩa vụ làm việc ở các công trường thủy lợi do Nhà nước đầu tư như sau :

a) Dân công làm lao động thường, đạt định mức lao động được trợ cấp 1 kilôgam gạo.

b) Dân công có nghề, làm đúng nghề nghiệp được trợ cấp từ 1,20 đến 1,50 kilôgam gạo.

Giá gạo tính theo giá chỉ đạo của Nhà nước bán cho cán bộ, công nhân viên tại khu vực có công trường.

**Điều 2.** — Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp có trách nhiệm cân đối, điều hòa lương thực cho người đi dân công nghĩa vụ.

Trường hợp bị thiên tai, địch họa mất mùa mà hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp không có điều kiện giải quyết được lương thực thì Ủy ban Nhân dân huyện xét bán thêm phần lương thực cho đủ 0,700 kg/1 định mức theo giá gạo nói ở điều 1 của Quyết định này.

Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất có trách nhiệm cân đối lương thực cho đội viên đội thủy lợi chuyên trách sao cho mức ăn mỗi người bằng hoặc hơn mức ăn của xã viên giỏi và tập đoàn viên giỏi.

**Điều 3.** — Người đi dân công nghĩa vụ được thanh toán tiền ăn đường, tiền tàu xe lần đi, lần về, và các chế độ khác như săn sóc khi ốm đau, tai nạn lao động, bị thương, bị chết do làm nghĩa vụ theo chế độ hiện hành.

**Điều 4.** — Các chi phí cho dân công nghĩa vụ được tính vào dự toán công trình thủy lợi.

**Điều 5.** — Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 6.** — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ

tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng**

*Phó chủ tịch*

**TỔ HỮU**

## **CÁC BỘ**

**LIÊN BỘ**

**Y TẾ — TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên Bộ Y tế — Tài chính số 8-TTLB ngày 14-4-1986** sửa đổi định mức chi bình quân giường bệnh/năm áp dụng cho các bệnh viện thuộc các tỉnh, thành phố và các ngành quản lý.

Đề phù hợp với hệ thống giá và lương mới, liên Bộ Y tế — Tài chính quy định lại mức chi bình quân giường bệnh/năm đối với các bệnh viện huyện, tỉnh và các thành phố trực thuộc Trung ương do ngành Y tế và các ngành khác quản lý (trước đây quy định tại Thông tư số 21-TT/LB ngày 22-7-1985 của liên Bộ) như sau :

### **I. ĐỊNH MỨC CHI THƯỜNG XUYÊN**

1. Định mức chi bình quân giường bệnh/năm (bao gồm 3 nhóm: nhóm I: Chi về bộ máy; nhóm II: Chi về hành chính quản lý; nhóm III: Chi về nghiệp vụ chữa bệnh) áp dụng cho các loại bệnh viện, nhà điều dưỡng theo các mức sau đây :